

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 04/06/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	883.90	117.42
Thay đổi (%)	0.31%	0.80%
KLGD (triệu CP)	431,12	64,79
GTGD (tỷ VND)	6.650,94	679,62
Số CP tăng giá	209	93
Số Cp đứng giá	97	201
Số Cp giảm giá	145	71

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,97	1,03
PE (lần)	14,33	9,60
Hệ số Beta	1,01	0,84
ROE (%)	17,57%	15,06%
ROA (%)	7,26%	5,17%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	36,73	17,95
GTGD (tỷ VNĐ)	1.242,68	284,5

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	616,93	4.66
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	780,86	9.42
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	163,93	4,76
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	168,69	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	823.77	-0.52
VN30F2006	815	-4
VN30F2007	805.8	-2.5
VN30F2009	785.5	-3.5
VN30F2012	788.8	-0.2

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	26.269,89	2,05%
S&P 500 *	3.122,87	1,36%
DAX *	12.480,40	3,84%
FTSE 100 *	6.382,41	2,61%
Nikkei 225	22.695,74	0,36%
Hang Seng	24.366,30	0,17%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Nhóm cổ phiếu Bluechips và ngân hàng "kéo" VN-Index vượt mốc 880 điểm.

Diễn biến thị trường:

Liên tiếp trong những ngày gần đây, chứng khoán toàn cầu đã chứng kiến nhiều phiên tăng điểm khá ấn tượng. Điều đó cũng tác động rất tích cực tới tâm lý của giới đầu tư trong nước, giúp chỉ số Vn-index bật tăng ngay khi mở cửa. Tuy nhiên, điều đáng nói là xung lực tăng điểm đã thu hẹp đáng kể về cuối ngày trong phiên giao dịch hôm nay.

Trong đó, dòng CP chứng khoán và dầu khí là tâm điểm trong phiên sáng giúp thị trường bứt phá. Chứng khoán với các mã như FTS, VCI, SSI, HCM, BVS, SHS, CTS...đều đồng loạt tăng điểm, thậm chí còn có rất nhiều mã tăng trần và dư mua cuối phiên như BVS, CTS, FTS, SHS, WSS.. Dầu khí cũng không kém cạnh khi dòng tiền liên tục đổ mạnh vào nhóm ngày giúp nhiều tăng tốt như BSR, PXT, PGC, PLX...

Bên cạnh đó, dòng BĐS, xây dựng và hàng không cũng là điểm nhấn đáng chú ý trong phiên hôm nay giúp thị trường duy trì sắc xanh. Xuất hiện khá nhiều mã tăng tốt trong nhóm BĐS – Xây dựng như CTD, DXG, FCN, HBC, HQC, IJC, NDN, QCG, TDH...và không ít cổ phiếu trong đó tăng trần như CTD, TDH, QCG, HQC. Còn hàng không, nhờ kỳ vọng về du lịch phục hồi đã giúp nhiều mã bứt phá như HVN, VJC, ACV, AST, NCT, SCS... Ngoài ra, một số CP nóng như BDC, AAA, HAG ...tăng trần và thu hút nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư.

Tuy nhiên, dòng CP vốn hóa lớn như BVH, FPT, HPG, MSN, VIC, VHM, TCB...đều đồng loạt giảm điểm đã tác động tiêu cực tới thị trường. Kết phiên FPT giảm 0,5%,VHM (-0,5%); TCB (-0,7%); VIC (-0,8%); MSN (-0,8%); VHM (-0,8%); HPG (-1,3%)...

Về giao dịch khối ngoại, họ tiếp tục bán ròng 153 tỷ đồng trong phiên giao dịch hôm nay, tập trung chủ yếu vào chứng chỉ quỹ E1VFN30 (141,27 tỷ đồng) và HPG (137,44 tỷ đồng)... Trên HoSE, khối ngoại bán ròng 13,3 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 164,58 tỷ đồng, còn trên HNX khối ngoại bán ròng thứ 5 liên tiếp với giá trị 4,76 tỷ đồng.

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn ảm đạm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 11.700 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Bứt phá đầu phiên, nhưng đà tăng đã không thể duy trì đến hết phiên trước xu hướng chốt lời dâng cao với sự hỗ trợ mạnh từ khối lượng. Đây là điều đáng lo ngại khi chỉ số Vn-index đã không thể xuyên thủng ngưỡng kháng cự 886 điểm. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy các dòng CP vốn hóa lớn - ảnh hưởng tới thị trường đều bị bán khá mạnh trong phiên hôm nay, nên khả năng thị trường sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh. Vì vậy, chúng ta cần thận trọng hơn trong vị thế mua và có thể ưu tiên chốt lời một phần lợi nhuận và luân chuyển sang các dòng CP khác đã có nền tảng tích lũy và chưa tăng mạnh trong đợt vừa qua.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Thị trường bật tăng ngay lúc mở cửa, thậm chí còn tạo ra một khoảng Gap tăng giá. Tuy nhiên về cuối phiên, xung lực tăng điểm đã giảm đi rõ rệt và thu hẹp đáng kể, khiến chỉ số Vn-index phải đóng cửa ở mức thấp của ngày giao dịch. Bên cạnh biên độ giảm thu hẹp thì thanh khoản cũng tăng lên đáng kể cho thấy tâm lý phần khởi của giới đầu tư đang chùng xuống.

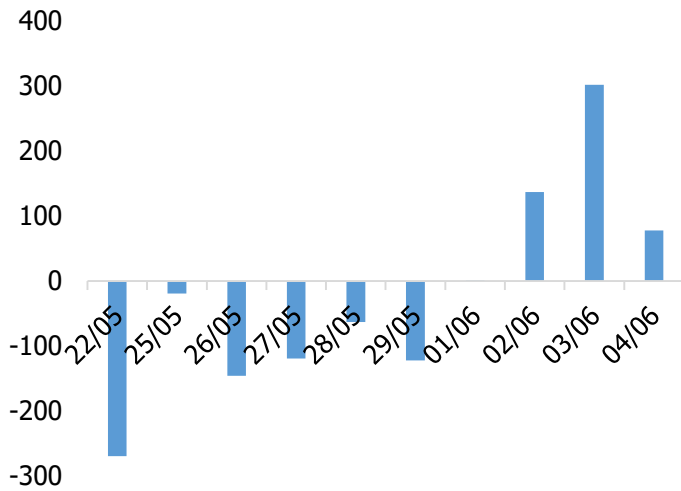
Về kỹ thuật các chỉ báo đều đang đồng thuận thể hiện xu hướng tăng điểm, nhưng theo quan sát của chúng tôi đã bắt đầu xuất hiện dấu hiệu chốt lời. Thứ nhất, Vn-index đã không thể chinh phục ngưỡng kháng cự khá mạnh 886 điểm. Thứ 2, một mẫu hình nền đảo chiều "Gravestone Doji" khá chuẩn trong phiên hôm nay với thanh khoản cao đã báo hiệu sớm cho áp lực chốt lời dâng cao. Mặc dù còn quá sớm, nhưng chúng cũng cần thận trọng với những tín hiệu đã phát đi trong phiên hôm nay. Vì vậy, chúng ta có thể cân nhắc chốt lời một phần danh mục và luân chuyển sang các mã đã có nền tảng tích lũy mà chưa tăng mạnh. Danh mục các mã CP này có trong phần khuyến nghị của chúng tôi.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

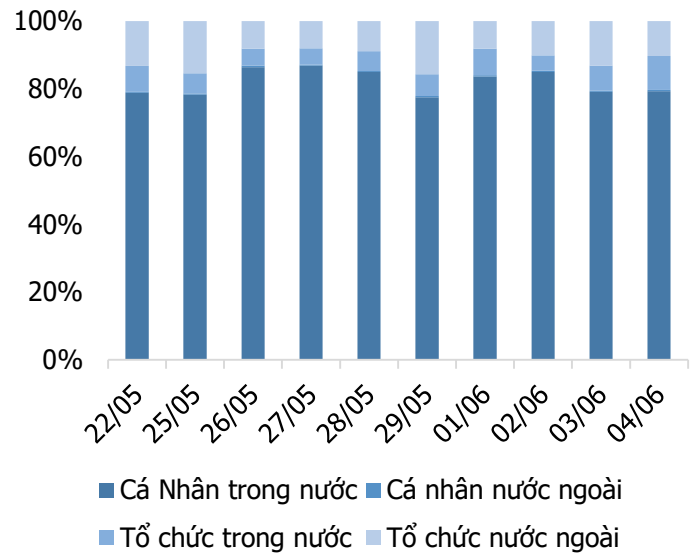
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày

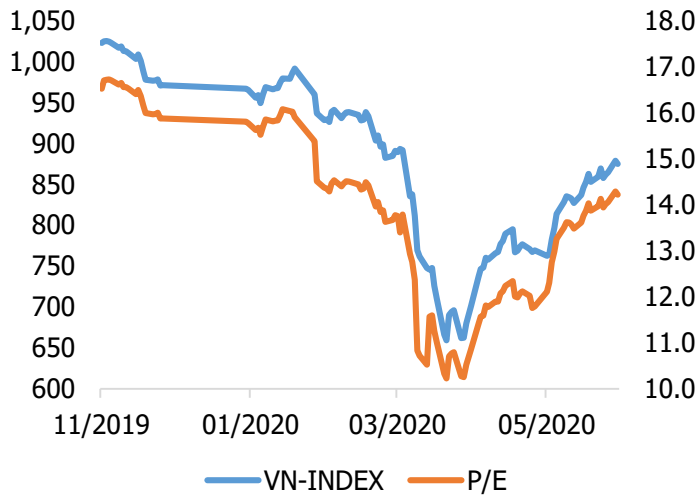


Giao dịch theo NĐT



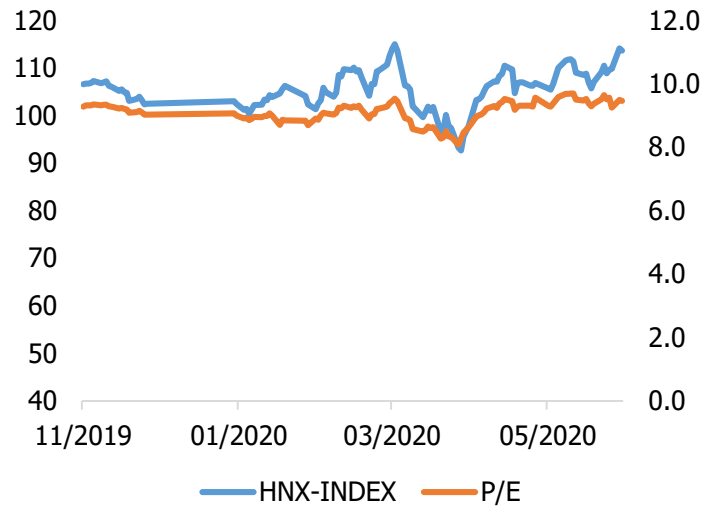
Vn-index - P/E lịch sử

VNINDEX - P/E lịch sử



Hn-index - P/E lịch sử

HNXINDEX - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
E1VFN30	13,700	141,528.74
CTG	24,650	26,670.85
FPT	48,400	19,120.05
MWG	85,500	13,748.46
KDH	23,000	12,465.34

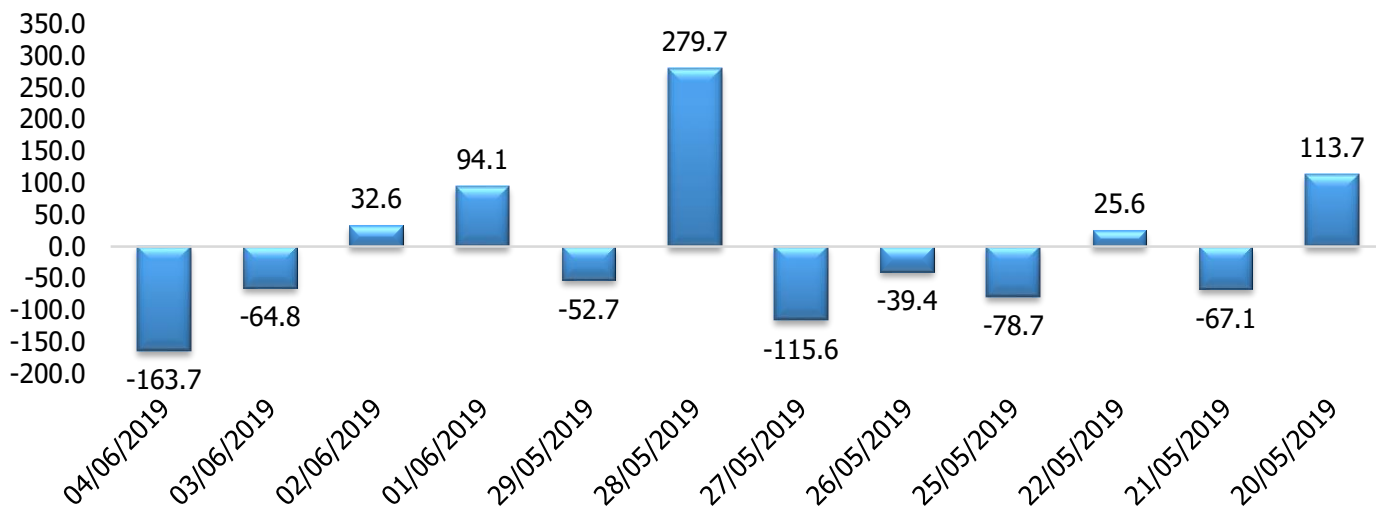
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
EIB	17,650	92,727.64
HPG	26,600	26,823.79
TCB	21,200	12,040.56
GEX	17,000	10,675.59
REE	32,000	8,346.28

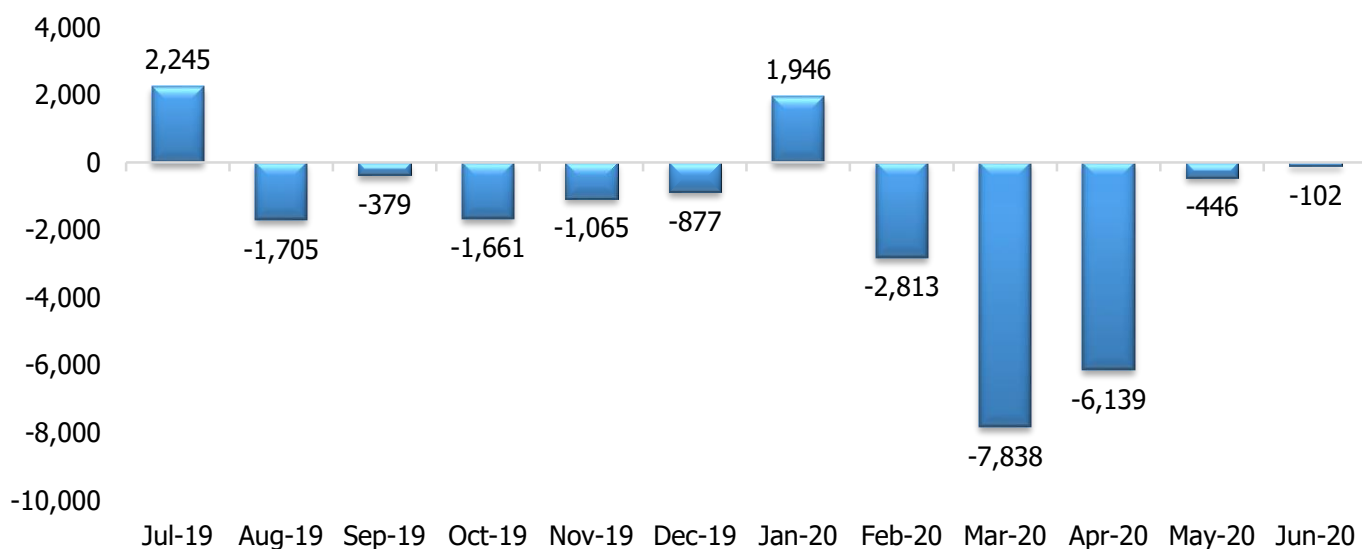
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

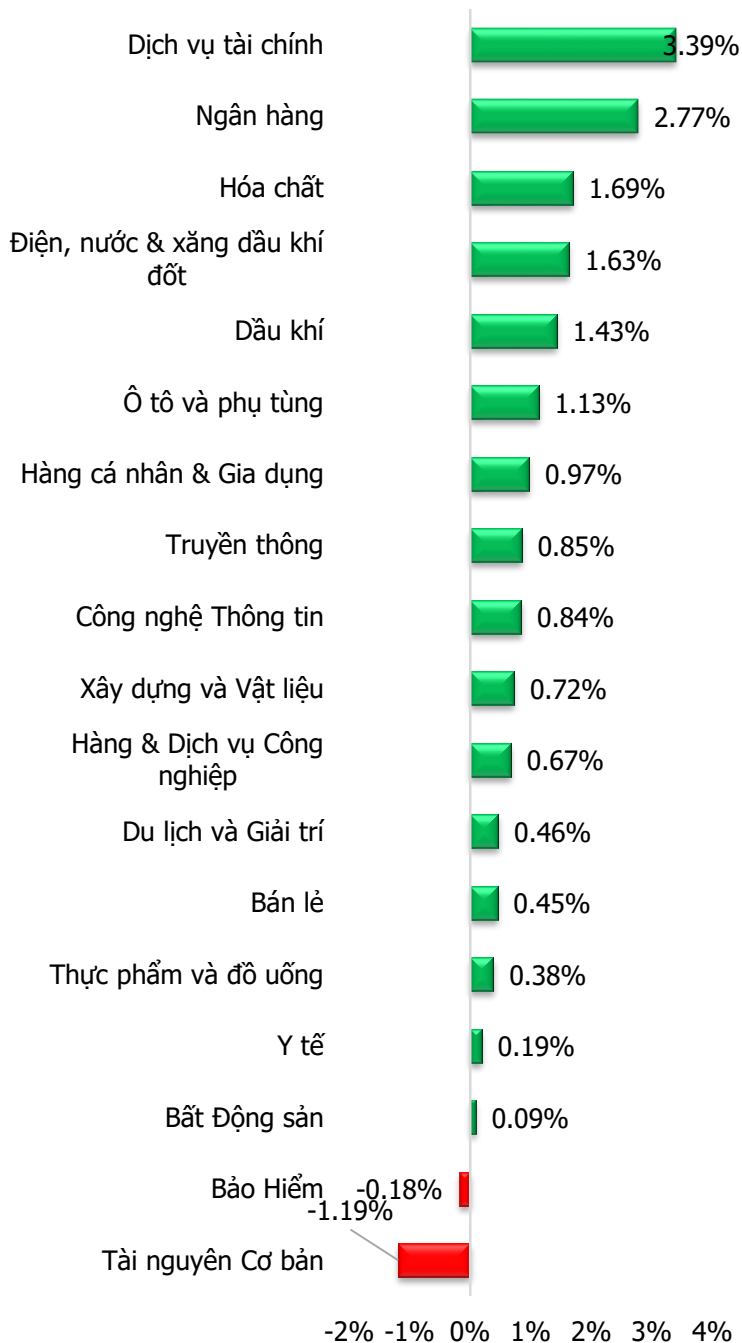
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
CTG	53.30	E1VFN30	141.27
VHM	49.93	HPG	137.44
VNM	39.58	MSN	35.61
VRE	31.14	VIC	26.13
POW	17.18	CII	16.58

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

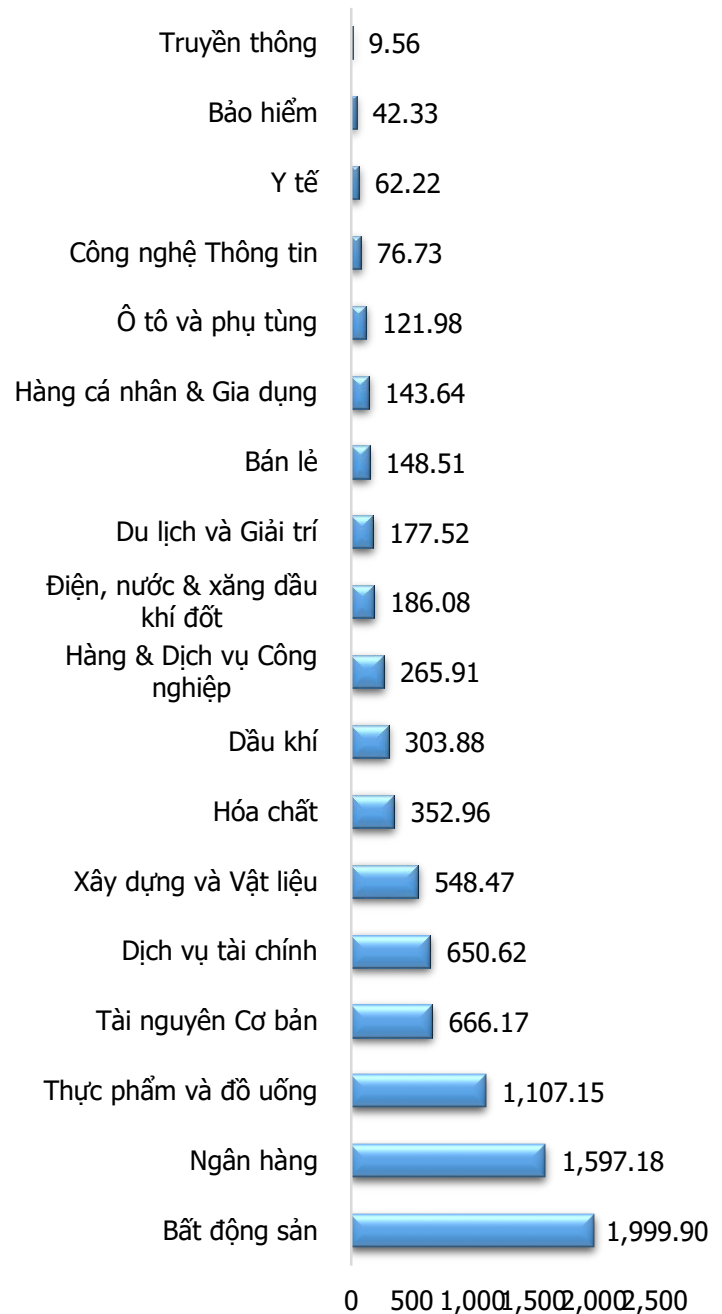
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
CEO	1.15	SHS	2.27
NTP	0.97	SHB	1.84
VCS	0.90	PGS	1.81
HUT	0.46	BVS	0.79
PVX	0.11	DGC	0.65

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	AAA	13.2	14.7	12.1	13.45	13.10					Mua thêm
	ACV	63.3	70.2	57.7	63.90	62.70					Chờ khớp
	BMP	49.0	54.3	44.6	49.20	48.50					Chờ khớp
	NLG	24.2	26.9	22.1	24.30	24.00					Chờ khớp
	QCG	8.2	9.1	7.5	8.23	8.11					Chờ khớp
	TDH	9.4	10.4	8.6	9.54	9.30					Chờ khớp
	TLG	32.5	36.1	29.6	32.90	32.20					Chờ khớp
	VND	13.5	15.0	12.3	13.60	13.40					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nắm Giữ	PVT	11.6	12.9	10.6	11.45	11.50		6/4/2020		-0.4%	Nắm giữ
	D2D	62.4	69.2	56.9	61.80	61.80		6/2/2020		0.0%	Nắm giữ
	DCL	21.2	23.5	19.3	21.20	21.00		6/2/2020		1.0%	Nắm giữ
	DLG	1.6	1.7	1.4	1.53	1.54		6/2/2020		-0.6%	Nắm giữ
	NTL	18.5	20.5	16.8	18.00	18.30		6/2/2020		-1.6%	Nắm giữ
	PHR	52.4	58.1	47.7	53.70	51.90		6/2/2020		3.5%	Nắm giữ
	TDG	1.8	2.0	1.6	1.70	1.78		6/1/2020		-4.5%	Nắm giữ
	NHA	10.9	12.1	9.9	11.60	10.80		5/29/2020		7.4%	Nắm giữ
	HT1	14.3	15.9	13.1	14.60	14.20		5/28/2020		2.8%	Nắm giữ
	BVH	51.6	57.2	47.0	49.85	51.10		5/27/2020		-2.4%	Nắm giữ
	DRC	20.6	22.8	18.8	19.60	20.40		5/27/2020		-3.9%	Nắm giữ
	DVN	11.6	12.9	10.6	11.40	11.50		5/27/2020		-0.9%	Nắm giữ
	G36	4.9	5.5	4.5	5.70	4.90		5/27/2020		16.3%	Nắm giữ
	SGP	6.5	7.2	5.9	7.00	6.40		5/22/2020		9.4%	Nắm giữ
	SLS	52.5	58.2	47.8	54.00	52.00		5/21/2020		3.8%	Nắm giữ
	PWA	9.1	10.1	8.3	8.90	9.00		5/15/2020		-1.1%	Nắm giữ
	AAA	12.5	13.9	11.4	13.45	12.40		5/13/2020		8.5%	Nắm giữ
	DIG	11.8	13.1	10.8	12.70	11.70		5/12/2020		8.5%	Nắm giữ
	VIB	15.2	16.8	13.8	17.70	15.00		5/12/2020		18.0%	Nắm giữ
	SBT	14.6	16.2	13.3	15.05	14.50		5/12/2020		3.8%	Nắm giữ
ILB	15.3	16.9	13.9	16.80	15.10		4/28/2020		11.3%	Nắm giữ	
BSR	6.1	6.7	5.5	7.80	6.00		4/21/2020		30.0%	Nắm giữ	
SNZ	18.9	20.9	17.2	25.90	18.70		4/21/2020		38.5%	Nắm giữ	
VCR	8.6	9.5	7.8	10.60	8.50		4/21/2020		24.7%	Nắm giữ	
VCS	60.8	67.4	55.4	66.50	60.20		4/21/2020		10.5%	Nắm giữ	
SIP	72.8	80.8	66.3	99.00	72.10		4/14/2020		32.2%	Nắm giữ	
C32	20.7	23.0	18.9	24.80	20.50		4/13/2020		21.0%	Nắm giữ	
SJS	16.1	17.8	14.6	24.30	15.90		4/7/2020		52.8%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	DP3	64.6	71.7	58.9	85.30	64.00	86.0	8/5/2019	5/25/2020	34.4%	Đã bán
	LPB	6.5	7.2	5.9	7.80	6.40	8.00	4/7/2020	5/28/2020	25.0%	Đã bán
	MSN	53.0	58.8	48.3	62.00	52.50	62.50	3/9/2020	5/25/2020	19.0%	Đã bán
	TIG	5.8	6.4	5.2	6.60	5.70	6.70	4/21/2020	6/3/2020	17.5%	Đã bán
	HBC	8.0	8.8	7.3	9.04	7.90	9.10	4/28/2020	5/28/2020	15.2%	Đã bán
	C69	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10	5.80	4/13/2020	5/25/2020	13.7%	Đã bán
	VTP	112.1	124.3	102.1	125.00	111.00	126.00	4/10/2020	5/25/2020	13.5%	Đã bán
	PAC	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50	23.00	4/27/2020	5/25/2020	12.2%	Đã bán
	HMC	12.6	14.0	11.5	13.60	12.50	14.00	4/20/2020	5/25/2020	12.0%	Đã bán
	SAS	27.5	30.5	25.0	28.30	27.20	28.30	4/21/2020	5/29/2020	10.7%	Đã bán
	PLX	43.2	47.9	39.4	46.40	42.80	46.40	4/21/2020	5/25/2020	8.4%	Đã bán
	PME	61.1	67.8	55.7	59.00	60.50	59.70	4/29/2020	5/25/2020	7.9%	Đã bán
	SMB	29.9	33.2	27.2	31.60	29.60	31.90	4/15/2020	5/27/2020	7.8%	Đã bán
	TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán
HDC	17.5	19.4	15.9	17.65	17.30	18.30	5/7/2020	5/25/2020	5.8%	Đã bán	

PVC	5.2	5.7	4.7	5.30	5.10	5.40	5/12/2020	5/25/2020	5.9%	Đã bán
OIL	7.7	8.5	7.0	8.00	7.60	8.00	5/7/2020	5/25/2020	5.3%	Đã bán
CVT	17.2	19.0	15.6	17.80	17.00	17.90	5/12/2020	5/28/2020	5.3%	Đã bán
CTG	22.2	24.6	20.2	22.40	22.00	22.90	5/20/2020	5/28/2020	4.1%	Đã bán
CII	19.4	21.5	17.7	19.70	19.20	19.80	4/21/2020	5/25/2020	3.1%	Đã bán
DRI	4.1	4.6	3.8	4.00	4.10	4.20	4/27/2020	5/26/2020	2.4%	Đã bán
ASP	5.4	5.9	4.9	5.25	5.30	5.40	5/14/2020	5/26/2020	1.9%	Đã bán
PVS	12.5	13.9	11.4	12.40	12.40	12.60	5/12/2020	5/25/2020	1.6%	Đã bán
VRE	26.4	29.2	24.0	25.50	26.10	26.20	5/21/2020	5/28/2020	0.4%	Đã bán
GEX	17.2	19.0	15.6	17.05	17.00	17.10	5/20/2020	6/4/2020	0.6%	Đã bán
DHC	37.9	42.0	34.5	37.50	37.50	37.50	5/4/2020	5/15/2020	0.0%	Đã bán
HDB	24.2	26.9	22.1	23.70	24.00	23.90	5/22/2020	5/28/2020	-0.4%	Đã bán
KDH	22.3	24.8	20.3	21.30	22.10	21.60	5/20/2020	5/25/2020	-2.3%	Đã bán
DCL	21.2	23.5	19.3	20.30	21.00	20.50	5/15/2020	5/26/2020	-2.4%	Đã bán
DLG	1.5	1.7	1.4	1.46	1.51	1.46	5/15/2020	5/26/2020	-3.3%	Đã bán
VJC	119.2	132.2	108.6	113.10	118.00	113.00	5/11/2020	5/26/2020	-4.2%	Đã bán
DCL	21.9	24.3	20.0	20.20	21.70	20.65	4/20/2020	5/7/2020	-4.8%	Đã bán
DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20	9.50	4/21/2020	5/5/2020	-6.9%	Đã bán
HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán
HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán
GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán
AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán
FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán
HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán
DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán
SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán
MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SVT	15,300	1,000	6.99%	6,960
CTD	72,000	4,700	6.98%	542,240
PGC	18,400	1,200	6.98%	1,171,580
DGW	29,900	1,950	6.98%	840,320
ABT	33,750	2,200	6.97%	370

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	600	100	20.00%	333,400
KVC	1,000	100	11.11%	198,510
API	9,900	900	10.00%	4,600
SPI	1,100	100	10.00%	194,800
PCE	9,900	900	10.00%	200

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LMH	700	-50	-6.67%	2,286,850
RIC	3,940	-290	-6.86%	210
VNE	4,540	-340	-6.97%	133,780
CMV	13,350	-1,000	-6.97%	1,330
TNI	9,170	-690	-7.00%	2,487,480

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
INC	8,200	-900	-9.89%	100
CET	1,800	-200	-10.00%	1,150
PGT	3,600	-400	-10.00%	400
VIG	800	-100	-11.11%	870,620
BII	700	-100	-12.50%	78,100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,230	210	6.95%	44,676,230
ITA	4,340	280	6.90%	28,827,290
STB	10,600	-50	-0.47%	13,972,710
HPG	26,600	-350	-1.30%	13,488,200
FLC	3,040	40	1.33%	12,793,190

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,300	0	0.00%	6,166,170
PVX	800	0	0.00%	5,348,231
SHS	10,600	900	9.28%	5,346,944
MBG	6,300	-400	-5.97%	3,739,699
KLF	1,900	0	0.00%	3,607,536

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,230	210	6.95%	44,676,230
ITA	4,340	280	6.90%	28,827,290
STB	10,600	-50	-0.47%	13,972,710
HPG	26,600	-350	-1.30%	13,488,200
FLC	3,040	40	1.33%	12,793,190

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	15,900	700	4.61%	6,320,457
HUT	2,300	0	0.00%	6,166,170
PVX	800	0	0.00%	5,348,231
SHS	10,600	900	9.28%	5,346,944
ACB	25,300	-200	-0.78%	5,159,832

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	164,903	18,921	2,158	0.7%	16.2%	19.00	2.17	1,199,847	41,800	38.59%
2	CTD	5,134	111,923	8,456	11.2%	22.5%	7.96	0.60	234,576	72,000	-37.42%
3	CTG	89,362	21,018	2,510	0.7%	11.9%	9.56	1.14	7,163,753	24,650	20.60%
4	BVH	37,042	25,993	1,128	1.3%	8.4%	44.24	1.92	491,021	49,850	-34.56%
5	PLX	55,611	15,779	1,032	5.8%	16.2%	45.25	2.96	674,506	47,150	-19.76%
6	EIB	21,699	13,142	774	0.9%	8.6%	22.80	1.34	3,271,166	17,650	-5.11%
7	FPT	38,137	18,804	4,171	11.7%	23.0%	11.66	2.59	2,050,762	48,400	33.53%
8	GAS	149,288	26,569	5,875	17.5%	25.7%	13.28	2.94	588,343	78,000	-21.31%
9	POW	24,824	11,670	878	3.9%	8.9%	12.07	0.91	4,132,495	10,600	-30.26%
10	HDB	27,529	20,360	3,782	1.4%	18.6%	7.54	1.40	1,873,274	27,800	6.54%
11	HPG	74,411	18,066	2,895	16.4%	26.8%	9.31	1.49	8,641,309	26,600	11.23%
12	MBB	43,526	17,421	3,334	1.4%	14.9%	5.41	1.04	6,780,183	18,000	-4.20%
13	MSN	74,813	36,258	3,952	8.9%	26.1%	16.20	1.77	2,717,529	63,500	-24.71%
14	MWG	38,671	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.69	2.89	1,221,189	85,500	0.47%
15	NVL	52,646	23,335	3,639	3.7%	13.6%	14.92	2.33	1,721,808	54,500	-9.50%
16	PNJ	14,277	22,139	5,238	18.8%	28.3%	12.10	2.86	917,203	63,700	-13.41%
17	REE	9,829	32,671	4,975	11.6%	19.1%	6.37	0.97	820,954	32,000	5.59%
18	ROS	1,714	10,645	270	7.6%	14.0%	11.19	0.28	16,108,943	3,230	-89.87%
19	SAB	115,431	26,870	7,068	22.0%	30.1%	25.47	6.70	170,346	179,000	-31.70%
20	SBT	9,095	12,584	174	3.0%	8.0%	85.92	1.19	2,394,210	15,050	-14.01%
21	SSI	9,134	15,336	1,165	6.6%	14.4%	13.05	0.99	2,762,383	15,700	-25.58%
22	STB	19,209	15,273	1,329	0.4%	6.3%	8.02	0.70	8,961,474	10,600	-8.19%
23	TCB	74,728	18,356	2,987	3.1%	25.6%	7.15	1.16	4,830,471	21,200	-0.70%
24	VCB	326,010	22,914	4,849	1.2%	20.3%	18.13	3.84	1,273,920	89,000	33.35%
25	VHM	256,253	19,128	7,688	0.0%	0.0%	10.13	4.07	2,204,492	77,500	-2.19%
26	VIC	327,419	23,007	2,023	1.6%	5.8%	47.85	4.21	1,090,656	96,000	-15.46%
27	VJC	59,613	26,251	3,328	15.1%	45.4%	34.19	4.34	494,298	114,300	-6.72%
28	VNM	203,045	17,234	6,061	28.5%	38.9%	19.24	6.77	1,795,217	117,800	-5.49%
29	VPB	59,237	18,264	3,749	2.6%	24.1%	6.48	1.33	6,250,996	24,000	35.00%
30	VRE	63,852	12,063	1,180	5.6%	7.9%	23.81	2.33	3,129,009	28,400	-16.86%

(Nguồn: Fiiipro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com